

Số: 898 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Thư mời chào giá gói: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/2/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1780/QĐ-ĐN5 ngày 13/12/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 08/6/2026 của Tổng Công ty Điện lực-TKV về việc Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026.

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-ĐN5 ngày 11/6/2026 về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 897/QĐ-ĐN5 ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV;

Theo đề nghị của Tổ tư vấn tại tờ trình ngày 23/6/2026 về việc phê duyệt Thư mời chào giá gói Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt thư mời chào giá gói Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV như sau:

- Kế hoạch thực hiện mua sắm
 - Gói cung cấp: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV.
 - Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026.
 - Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Tháng 6 năm 2026.
 - Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Báo giá cạnh tranh rút gọn (theo Khoản 3, Điều 9 ban hành theo Quyết định số 1780/QĐ-ĐN5 ngày 13/12/2024).

- Nội dung thư mời chào giá và biểu mẫu thư mời chào giá như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao cho Phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ tư vấn lựa chọn nhà cung cấp thực hiện các bước lựa chọn nhà cung cấp theo đúng quy định của Công ty và Tổng Công ty.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2, điều 3;
- Lưu: VT, TCKT, KHĐT, VT (D01).

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC

(Biểu mẫu Thư mời chào giá kèm theo quyết định số 898/QĐ-ĐN5 ngày 23 tháng 6 năm 2026)

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TMCG- ĐN5

V/v Mời chào giá cung cấp vật tư

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

Công ty TNHH Thiết Bị Kỹ Thuật MP

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư RES

Công Ty TNHH MTV Vạn Thanh Phát

Công ty TNHH Thiên Minh Bách

Công Ty TNHH TM & DV Thiên Thiên Phú

Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV có nhu cầu mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV.

Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV kính mời các nhà cung cấp tham gia chào giá gói cung cấp: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về hàng hóa cần mua:

- Tên đơn hàng: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV.

- Số hiệu Đơn hàng: ĐN5-T6-2026-VT.01

- Chi tiết Đơn hàng: Chi tiết như phụ lục đơn hàng kèm theo.

Hàng hóa do Nhà cung cấp (NCC) chào giá phải đáp ứng được các yêu cầu cơ bản như sau:

a. Phạm vi cung cấp:

- Tên hàng hóa: Theo danh mục nêu tại Cột 2 - Phụ lục 1 kèm theo;

- Số lượng cung cấp: Theo yêu cầu nêu tại Cột 5 - Phụ lục 1 kèm theo.

b. Yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa:

Hàng hóa cung cấp phải là hàng hóa mới, chưa qua sử dụng và đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật nêu tại Cột 3 - Phụ lục 1 kèm theo.

c. Yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa:

- Nhà cung cấp không báo giá các loại bình chữa cháy có nhà sản xuất là **Tomoken** và **Dragon**.

- Hàng hóa cung cấp phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, Hàng hóa chào phải được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây. Trong bản chào giá, NCC phải điền rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa vào Cột 4 trong Biểu mẫu số 2: Bản chào giá - Phụ lục 2;

- Đối với các hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa có yêu cầu quản lý chất lượng, nhà cung cấp cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa (CO, CQ hoặc tài liệu tương đương nếu có). Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt, Hàng hóa sản xuất trong nước có đơn giá 10 triệu đồng trở lên phải có giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc các chứng từ có giá trị tương đương, hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh hoặc tiếng Việt), các cam kết của nhà sản xuất (bản tiếng Việt và tiếng Anh) bản vẽ lắp đặt (nếu có), các tài liệu khác liên quan.

Trường hợp CO, CQ cung cấp cho nhà nhập khẩu không phải là nhà cung cấp thì Nhà cung cấp phải cung cấp CO, CQ (bản sao có chứng thực theo quy định) và bản dịch tiếng Việt có xác nhận của đơn vị có chức năng dịch thuật kèm theo các tài liệu bao gồm: Hợp đồng mua bán, hóa đơn (các tài liệu phải kết nối bắc cầu từ nhà nhập khẩu đến nhà cung cấp cho gói cung cấp này) để chứng minh nguồn gốc hàng hóa có xuất xứ rõ ràng.

Các hàng hóa phải cấp CO, CQ chi tiết như bảng Phụ lục 1: Phạm vi cung cấp.

2. Nội dung bản chào giá:

Nhà cung cấp tham gia chào giá phải chuẩn bị 01 bộ bản chào giá bao gồm các tài liệu đáp ứng các nội dung sau:

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của NCC:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có), thông tin giới thiệu về NCC,... hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương. Các giấy tờ được sao y có chứng thực.

- Bên mời chào giá chấp nhận NCC độc lập hoặc NCC liên danh miễn là đảm bảo các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và các điều kiện mời chào giá của Bên mời chào giá.

b. Các yêu cầu về thương mại:

- Thời gian giao hàng: Chi tiết theo yêu cầu nêu tại Cột 6 - Phụ lục 1 kèm theo;

- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV (Địa chỉ: xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng).

- Thời gian bảo hành của hàng hoá (Nếu có): Chi tiết theo yêu cầu nêu tại Cột 7 - Phụ lục 1 kèm theo;

- Đơn giá chào: Đơn giá chào là tổng đơn giá của hàng hóa đã bao gồm chi phí vận chuyển, dỡ xếp hàng tại Kho vật tư của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV và tất cả các loại thuế, phí, lệ phí.

- Điều kiện thanh toán:

+ Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng đồng Việt Nam.

+ Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

+ Thời gian thanh toán: Đối với hàng hóa có yêu cầu bảo hành: thanh toán 90% giá trị nghiệm thu, giữ lại 10% bảo hành hoặc thay thế bằng bảo lãnh bảo hành. Đối với hàng hóa không yêu cầu bảo hành: thanh toán 100% giá trị nghiệm thu.

+ Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận

được đầy đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán hợp lệ.

+ Chứng từ thanh toán: Hoá đơn tài chính hợp lệ; Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa; các tài liệu chứng minh hoặc cam kết về chất lượng, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa.

c. Hàng hóa

Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp.

d. Phương thức chào giá:

- Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ danh mục hàng hóa theo phụ lục.
- Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp.

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá:

NCC phải chuẩn bị Bản chào giá (NCC phải điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu số 1: Bản chào giá - Phụ lục 2 kèm theo) có hiệu lực tối thiểu là **60 ngày** kể từ ngày hết hạn nộp Hồ sơ chào giá được nêu trong Khoản 2 - Mục II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá của Thư mời chào giá này.

Bản chào giá và Biểu giá chào hàng phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

Bản chào giá phải được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ sau: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV (Địa chỉ số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng).

2. Thời gian nhận bản chào giá:

Bản chào giá phải được gửi đến trụ sở Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV (Địa chỉ số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng) không chậm hơn **15 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 7 năm 2026**.

Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV sẽ không tiếp nhận và không xem xét đối với các hồ sơ nộp sau thời điểm **15 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 7 năm 2026** (ngoại trừ trường hợp thời gian nhận bản chào giá đã được gia hạn theo quy định).

3. Mở bản chào giá:

- Các bản chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV (Địa chỉ số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng) trong vòng 01 giờ sau thời điểm đóng gói cung cấp (đóng nhận bản chào giá).

- Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp đã nộp bản chào giá đến tham dự, chứng kiến và xác nhận việc mở các bản chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở bản chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các NCC này.

- Các thông tin về nội dung chủ yếu của bản chào giá của các NCC bao gồm tối thiểu các nội dung: tên NCC, giá chào, thời gian có hiệu lực của bản chào giá ... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa

chọn NCC.

III. Đánh giá, lựa chọn NCC:

Bên mời chào giá sẽ tiến hành đánh giá các bản chào giá của các NCC theo trình tự như sau:

- Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ, sự đáp ứng của các Bản chào giá;
- Bước 2: Đánh giá về mặt kỹ thuật đối với hàng hóa cung cấp;
- Bước 3: So sánh tổng giá chào của các NCC để xác định giá chào thấp nhất và NCC được lựa chọn để cung cấp hàng hóa. Trong đó, NCC được lựa chọn cung cấp hàng hóa phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu sau:

- + Có bản chào giá hợp lệ, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Thư mời chào giá này;

- + Hàng hóa do NCC đề xuất phải đáp ứng yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật nêu trong Thư mời chào giá này;

- + Tổng giá trị hàng hóa do NCC đề xuất là giá chào thấp nhất và không vượt giá dự toán đã được phê duyệt.

Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV trân trọng kính mời các nhà cung cấp tham gia chào giá cho đơn hàng trên.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các nhà cung cấp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHĐTĐT;
- Lưu Văn thư, KHĐTĐT (D 02).

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1: PHẠM VI CUNG CẤP

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
1	Băng dính y tế	Băng keo lụa y tế, khổ 2.5cm x 5m	cuộn	2	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
2	Băng tam giác	Băng tam giác y tế, khổ 80 x 80cm/2	cuộn	10	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
3	Băng thun	Băng thun 3 móc, khổ 10cm x 3m	cuộn	10	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
4	Găng tay cao su y tế	Size M, hộp 100 chiếc	hộp	5	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
5	Bông y tế	Bạch Tuyết 25g hoặc tương đương.	gói	5	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
6	Gạc y tế	Gạc Cuộn Y Tế 10cm x 5m – Hộp 10 Cuộn	Hộp	10	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
7	Bảng cầm hút thuốc	Kích thước 40cm x 18 cm- Tôn	Cái	20	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
8	Dây rào cảnh báo	Kích thước 10cm x 100 cm	Cuộn	10	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
9	Bình cứu hoả	MFZL8 bột ABC 8kg	Bình	40	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
10	Bình cứu hoả	MFZL4 ABC 4kg	Bình	4	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
11	Bình cứu hoả	CO2 MT5	Bình	20	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
12	Bình cứu hoả	CO2 MT3	Bình	10	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
13	Bình cứu hoả	CO2 MT24	Bình	6	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
14	Khay đựng bình chữa cháy	Khay dài 40 cm x 23 cm	Cái	60	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
15	Đèn Exit chỉ dẫn thoát hiểm	Đèn chỉ dẫn EXIT LỐI THOÁT (Cầu thang đi lên thoát hiểm phía bên tay phải)	Cái	3	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
16	Đèn Exit chỉ dẫn thoát hiểm	Đèn chỉ dẫn EXIT LỐI THOÁT (Cầu thang đi lên thoát hiểm phía bên tay trái)	Cái	3	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
17	Đèn Exit chỉ dẫn thoát hiểm	Đèn chỉ dẫn EXIT LỐI THOÁT (Cầu thang đi xuống thoát hiểm phía bên tay phải)	Cái	3	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
18	Đèn Exit chỉ dẫn thoát hiểm	Đèn chỉ dẫn EXIT LỐI THOÁT	Cái	5	30 ngày kể từ ngày hợp	12 tháng	Có tem và giấy chứng

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
					đồng có hiệu lực		nhận kiểm định.
19	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	KENTOM KT 402 hoặc tương đương.	Cái	15	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
20	Đèn chiếu sáng phòng nổ	Đèn sử dụng bóng tuýp LED 1m2 siêu tiết kiệm điện (thường công suất 18W - 20W) và có vỏ bảo vệ hợp kim nhôm	Cái	10	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
21	Cuộn vòi chữa cháy D50	FIRE HOSE D50 x 20M	Cuộn	20	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
22	Cuộn vòi chữa cháy D65	FIRE HOSE D65 x 20M	Cuộn	20	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
23	Lăng phun D50	Lăng phun D50 TOMOKEN hoặc tương đương.	Cái	6	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
24	Lăng phun D65	Lăng phun D65 TOMOKEN hoặc tương đương.	Cái	6	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		Có tem và giấy chứng nhận kiểm định.
25	Loa phóng thanh cầm tay	Toa ER-3215 hoặc tương đương.	Cái	2	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng	
26	Pin (Dùng cho loa phóng thanh)	DR20 (C)	Cặp	20	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
27	Khẩu trang phòng độc (Phục vụ công tác CC và CNCH)	Khẩu trang 3M N95 9002 hoặc tương đương.	Cái	30	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		

Ghi chú: Đối với các hàng hóa được mô tả theo nhãn hiệu, model hoặc mã hiệu cụ thể, nhà cung cấp được phép chào hàng hóa "hoặc tương đương". Hàng hóa tương đương phải có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, chất lượng, tiêu chuẩn an toàn và chế độ bảo hành tương đương hoặc cao hơn hàng hóa tham chiếu.

Nhà cung cấp phải cung cấp kèm theo hồ sơ chào giá các tài liệu chứng minh tính tương đương của hàng hóa, bao gồm: Catalogue; Datasheet (nếu có); tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất; CO, CQ đối với hàng nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng sản xuất trong nước; giấy chứng nhận kiểm định, chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn hoặc các tài liệu kỹ thuật khác theo yêu cầu của từng loại hàng hóa.

PHỤ LỤC 2. CÁC BIỂU MẪU

Biểu mẫu số 1: Bản chào giá

BẢN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá số-...../2026/TMCG-ĐN5 ngày...../...../2026 mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], cam kết thực hiện cung cấp các hàng hóa với danh mục, các thông tin hàng hóa, biểu giá chào hàng chi tiết theo biểu dưới đây:

STT	Tên vật tư, hàng hoá	Quy cách, mã hiệu hàng hóa	Nhà sản xuất/xuất xứ	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá chưa có thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền chưa có thuế GTGT(Đông)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đông)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đông)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)=(11+13)
1													
2													
3													
Tổng cộng													

(Số tiền bằng chữ:)

- **Địa điểm giao hàng:** Tại kho của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV (xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng).

- Điều khoản thanh toán:

+ Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng đồng Việt Nam.

+ Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

+ Thời gian thanh toán: Đối với hàng hóa có yêu cầu bảo hành thanh toán 90% giá trị nghiệm thu, giữ lại 10% bảo hành hoặc thay thế bằng bảo lãnh bảo hành. Đối với hàng hóa không yêu cầu bảo hành: thanh toán 100% giá trị nghiệm thu.

+ Chứng từ thanh toán: Hoá đơn tài chính hợp lệ; Biên bản nghiệm thu, bàn giao hàng hóa; các tài liệu chứng minh hoặc cam kết về chất lượng, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Giấy chứng nhận CO/CQ dịch ra tiếng việt.

+ Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá*].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Biểu mẫu số 2: Dự thảo hợp đồng**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****HỢP ĐỒNG****Số: /2026/HĐSXKD- ĐN5****Về việc Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV**

Căn cứ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày tháng năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV;

Căn cứ Biên bản thương thảo ký ngày ...tháng...năm 2026 giữa Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV và Công Ty

Căn cứ quyết định số / QĐ-ĐN5 ngày /2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác an toàn năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV.

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay ngày tháng năm 2026, tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A: CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKVĐại diện: Ông **Trần Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Điện thoại số: 02633.976.888 Fax: 02633.974.888

Mã số thuế: 0104297034-007

Tài khoản số: 1020831973 tại ngân hàng Vietcombank Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Bên B:

Đại diện là ông: ... Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: ...

Tài khoản:

Mã số thuế: ...

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc Cung cấp hàng hóa, chi tiết như Phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng và các phụ lục;
2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
3. Biên bản thương thảo hợp đồng;
4. Thư mời chào giá;
5. Bản chào giá và các tài liệu làm rõ của nhà cung cấp;
6. Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu khi hàng hóa của Bên B cung cấp không đạt yêu cầu quy định của hợp đồng.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B:

+ Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

+ Chậm tiến độ hoàn thành việc thực hiện cung cấp hàng hóa.

+ Giao cho Nhà cung cấp phụ trên 30% giá trị hợp đồng.

Trong mỗi trường hợp trên Bên A có thể bằng cách thông báo cho Nhà cung cấp trước 2 ngày và chấm dứt hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng hai bên làm biên bản thanh lý.

- Bên A cam kết nghiệm thu, thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng khi Bên B hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

- Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- Bên B có trách nhiệm cung cấp hàng hóa, kèm theo các tài liệu cần thiết cho Bên A, đúng chất lượng, số lượng, chủng loại, quy cách, nhãn mác, xuất xứ hàng hóa. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải đảm bảo là hàng mới 100% chưa qua sử dụng. Hàng hóa được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.

- Bên B phải đảm bảo cung cấp hàng hóa theo đúng thời gian theo hợp đồng.

- Bên B phải phối hợp cùng với Bên A kiểm tra hàng hóa và lập biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa. Cung cấp hồ sơ thanh toán cho Bên A.

- Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: đồng (Bằng chữ:). Giá đã bao gồm các khoản thuế phí, lệ phí liên quan. Hàng hóa được giao tại Kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng. Chi tiết như phụ lục đính kèm.

2. Tạm ứng: Bên B không tạm ứng hợp đồng nhưng vẫn đảm bảo tiến độ, chất lượng yêu cầu công việc nêu trong hợp đồng.

3. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

b) Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Số lần thanh toán: Thanh toán thành 2 lần:

- Lần 1: Bên A thanh toán cho bên B 90% giá trị hợp đồng đối với những vật tư có yêu cầu bảo hành và thanh toán 100% giá trị hợp đồng đối với vật tư không yêu cầu bảo hành trong vòng 90 ngày kể từ ngày bên B cung cấp cho bên A đủ 05 bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán của bên B.
- + Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán.
- + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán.
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- + Hoá đơn VAT hợp lệ do Bên B phát hành.
- + Các chứng từ khác liên quan (nếu có).

- Lần 2: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 10% giá trị những vật tư giữ lại bảo hành trong vòng 90 ngày kể từ khi Bên B cấp cho Bên A bảo lãnh bảo hành do tổ chức ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đến khi hết thời gian bảo hành và Bên B cấp đủ 05 bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán của bên B.
- + Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán.
- + Bảo lãnh bảo hành.

d. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

e. Điều chỉnh thuế: Được phép điều chỉnh thuế trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế của Nhà nước có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) đồng thời nhà cung cấp xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định.

Điều 6. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 395 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (trong đó tiến độ cung cấp hàng là 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, 365 ngày bảo hành kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa).

+ Trường hợp vì lý do khách quan, do sự kiện bất khả kháng mà thời gian cung cấp bị kéo dài hơn 30 ngày thì các bên phải xem xét, thống nhất để ký phụ lục gia hạn.

+ Trường hợp vì lý do chủ quan mà bên B chậm quá thời gian cung cấp theo hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng quy định tại **Điều 14** của hợp đồng này.

- Địa điểm, thời gian cung cấp hàng hóa: Tại Kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng. Chi tiết như phụ lục đính kèm;

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: Có phát sinh các vấn đề về thời gian thực hiện hợp đồng, khối lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa hoặc các vấn đề khác liên quan.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục hàng hóa ngoài phạm vi hợp đồng Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có

vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải cung cấp các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Điều kiện cung cấp, vận chuyển hàng hóa

Bên B cung cấp hàng hóa cho Bên A đúng thông số kỹ thuật, phải là hàng mới 100 %, chưa qua sử dụng.

- Hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng phải có CO, CQ thì nhà cung cấp nộp CO, CQ và các tài liệu kỹ thuật, các chứng từ kèm theo hàng hóa: Tại thời điểm giao nhận hàng hóa (Cung cấp CO; CQ theo quy định và kèm theo bản dịch ra tiếng Việt (dịch thuật công chứng), hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn kỹ thuật...).

- Trường hợp CO, CQ cung cấp cho nhà nhập khẩu không phải là nhà cung cấp thì Nhà cung cấp phải cung cấp CO, CQ (bản sao có chứng thực theo quy định) và bản dịch tiếng Việt có xác nhận của đơn vị có chức năng dịch thuật kèm theo các tài liệu bao gồm: Hợp đồng mua bán, hóa đơn (các tài liệu phải kết nối bắc cầu từ nhà nhập khẩu đến nhà cung cấp cho gói cung cấp này) để chứng minh nguồn gốc hàng hóa có xuất xứ rõ ràng.

- Hàng hóa sản xuất trong nước có đơn giá 10 triệu đồng trở lên phải có giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc các chứng từ có giá trị tương đương, các tài liệu khác liên quan.

- Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Sau khi kiểm tra hàng hóa tại thời điểm giao nhận, nếu trường hợp hàng hóa bị khuyết tật, bị lỗi, hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu

thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

Điều 12. Bảo hành.

1. Nghĩa vụ bảo hành.

- Bên B có nghĩa vụ bảo hành hàng hóa với thời gian bảo hành tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Danh mục hàng hóa và thời gian bảo hành theo phụ lục hợp đồng kèm theo.

2. Quyền yêu cầu bảo hành

- Trong thời gian bảo hành nếu có lỗi của hàng hóa Bên A thông báo bằng văn bản hoặc bằng điện thoại cho Bên B, sau 48 giờ khi nhận được văn bản hoặc điện thoại của Bên A thì Bên B cử cán bộ kỹ thuật có mặt đến xác minh hàng hóa.

- Trong thời hạn bảo hành, nếu Bên A phát hiện được khuyết tật của các hàng hóa thì có quyền yêu cầu bên B sửa chữa mà Bên A không phải trả tiền, mọi chi phí phát sinh do bên B chịu.

3. Sửa chữa trong thời hạn bảo hành

- Bên B phải sửa chữa hàng hóa và bảo đảm hàng hóa có đủ các tiêu chuẩn chất lượng hoặc có đủ các đặc tính đã cam kết.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B hoàn thành việc sửa chữa trong thời hạn do các bên thỏa thuận hoặc trong một thời gian hợp lý; nếu Bên B không thể sửa chữa được hoặc không thể hoàn thành việc sửa chữa trong thời hạn đó thì Bên A có quyền yêu cầu bên thứ ba sửa chữa mọi chi phí do bên B chịu.

4. Bồi thường thiệt hại trong thời hạn bảo hành

- Ngoài việc yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo hành, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại do khuyết tật về kỹ thuật của hàng hóa gây ra trong thời hạn bảo hành.

- Bên B không phải bồi thường thiệt hại nếu chứng minh được thiệt hại xảy ra do lỗi của Bên A. Bên B được giảm mức bồi thường thiệt hại nếu Bên A không áp dụng các biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép nhằm ngăn chặn, hạn chế thiệt hại.

Điều 13. Bản quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Điều 14. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

a) Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình ghi trong hợp đồng thì dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia thì bên vi phạm phải chịu bồi thường thiệt hại cho bên kia.

b) Các hình thức phạt

- Trường hợp Bên B vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng do lỗi chủ quan thì Bên B sẽ chịu phạt 4% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi 02 ngày chậm (kể từ ngày thứ nhất sau ngày hết hạn hợp đồng). Nhưng số lần vi phạm không quá 02 lần, tổng số ngày chậm không quá 4 ngày, tổng số tiền phạt vi phạm không vượt 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm.

- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A chậm thanh toán theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B với mức lãi suất bằng lãi

suất cho vay trong hạn(phần trăm của năm) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán cho khoản tiền vi phạm.

c) Khấu trừ tiền phạt và bồi thường thiệt hại: Khấu trừ vào tiền thanh toán hoặc nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản.

d) Thương: Không áp dụng.

Điều 15. Bất khả kháng.

“Bất khả kháng” là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch;

Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia và cung cấp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về sự kiện bất khả kháng trong thời gian sớm nhất. Trong khoảng thời gian không thể cấp hàng do điều kiện bất khả kháng, Nhà Cung cấp hàng hóa theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại **Điều 16** của hợp đồng này.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại nơi lưu trú Bên khởi kiện. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc giữa hai bên. Chi phí xét xử và các chi phí khác liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu hoàn toàn.

Điều 17. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký.

Sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ, thanh toán, trách nhiệm theo các điều khoản nêu trên không vướng mắc thì Hợp đồng sẽ được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 07 bản, Bên A giữ 05 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HÓA CỦA HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số/2026/HĐSXKD-ĐN5)

STT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/xuất xứ	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá chưa có thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền chưa có thuế GTGT(Đồng)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)=(11+13)
1													
2													
3													
Tổng cộng													

(Số tiền bằng chữ:)

*** Ghi chú:**

- Đơn giá và tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác để đưa hàng hóa về Kho vật tư của Công ty thuy điện Đồng Nai 5 - TKV (Địa chỉ: xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng);
- Cung cấp tem và giấy chứng nhận kiểm định PCCC của cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa: C/O, C/Q dịch ra tiếng việt, Bản cam kết về nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa (là bản gốc có dấu và chữ ký của đại diện pháp luật của Bên B).